

Bản án số: 62/2024/DS-ST
Ngày 12 – 7 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Thỏ.

2. Ông Hoàng Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng góp hụi và đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị H, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Kiều Thị T (T1), sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị H trình bày và yêu cầu như sau:

Vào ngày 20-3-2020, bà Kiều Thị T có hốt hụi do bà H làm chủ hụi, số tiền là 25.760.000 đồng. Số tiền hụi đã hốt của dây hụi nào, vào lần khai thứ mấy, có hụi viên nào tham gia chung hay không thì bà không nhớ do sổ hụi và danh sách hụi viên đều đã thất lạc. Kể từ ngày hốt hụi đến nay, bà T không đóng hụi chết lần nào. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho bà số tiền 25.760.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20-5-2024, bị đơn bà Kiều Thị T trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà T thừa nhận trước đây bà có tham gia 01 chân hụi tháng 2.000.000 đồng

do bà Dương Thị H làm chủ hội. Hội khai ngày 20 hàng tháng, bà không nhớ hội bắt đầu khai vào tháng, năm nào. Khi hội được lần 3 hoặc 4 thì bà hốt hội số tiền 25.760.000 đồng theo biên nhận ngày 20-3-2020 là do bà đã viết và ký tên. Tuy nhiên, sau khi hốt hội bà đã đóng hội chết hàng tháng, bao nhiêu lần bà không nhớ nhưng chính xác thì bà chỉ còn thiếu lại bà H 03 lần hội chết chưa đóng với số tiền là 6.000.000 đồng.

Đối với chứng cứ của nguyên đơn là biên nhận hốt hội ngày 20-3-2020, bà T có ý kiến phản đối như sau: Theo thói quen chơi hội của hai bên thì khi hốt hội, bà H buộc hội viên viết biên nhận, còn khi hội viên đóng hội chết cho bà H thì bà H đưa sổ hội của bà H ra gạt tên. Khi hội viên góp hội sống thì cũng không có làm biên nhận gì. Do đó, chứng cứ phải là cuốn sổ hội bà H giữ, nếu bà H làm chủ hội đi kiện đòi hội chết thì phải đưa sổ hội ra làm chứng chứ không thể dựa vào biên nhận hốt hội để đòi tiền hội được. Bởi vì biên nhận hốt hội chỉ là số tiền mà hội viên hốt, còn sau đó bà có đóng hội chết đầy đủ. Lý do mà bà không tiếp tục đóng 03 lần hội chết cuối cùng là do bà H đến nhà đòi tiền hội rồi chửi bới, bà yêu cầu xin lỗi bà mới trả tiền hội thì bà H đòi đi kiện cho tới nay chứ không phải tự nhiên mà bà không đóng hội chết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Dương Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu áp dụng lãi suất 10%/năm đối với việc chậm góp tiền hội, thời gian tính lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện vì bà không nhớ bà T chậm góp hội từ thời gian nào.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Kiều Thị T trả tiền hội chết cho nguyên đơn 6.000.000 đồng và tiền lãi do chậm góp hội theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền hội chưa góp, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật được xác định về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Kiều Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn xuất trình tài liệu, chứng cứ là biên nhận hốt hội ngày 20-3-2020 có nội dung: “*Tôi là Kiều Thị T có hốt hội của vợ 2 danh số tiền là 25.760 (số tiền là hai mươi lăm triệu bảy trăm sáu chục ngàn chẵn)*”. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận có tham gia hội của bà Dương Thị H làm chủ hội và có hốt hội với số tiền 25.760.000 đồng theo biên nhận ngày

20-3-2020 là đúng. Tuy nhiên, bà Kiều Thị T khẳng định sau khi hốt hụi thì bà đã đóng hụi chết hàng tháng, chỉ còn thiếu lại 03 lần hụi chết chưa đóng với tổng số tiền là 6.000.000 đồng.

[4] HĐXX xét thấy, bà Dương Thị H là chủ hụi (đầu thảo), có nghĩa vụ lập và giữ sổ hụi theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường để theo dõi số tiền hụi viên đã góp hụi vào mỗi lần khai hụi. Do đó, bà H phải có nghĩa vụ cung cấp sổ hụi chứng minh số lần đóng hụi chết của hụi viên. Biên nhận ngày 20-3-2020 chỉ chứng minh được việc bà T hốt hụi, không chứng minh được đây là số tiền hụi chết mà hụi viên chưa góp cho chủ hụi nên không thể căn cứ vào biên nhận này để đòi bà T trả tiền. Mặt khác, xét tính hợp lý của vụ việc, bà H cho rằng bà T hốt hụi xong chưa đóng hụi chết lần nào, khẳng định còn thiếu 16 lần hụi chết thì tổng số tiền hụi chết phải là 32.000.000 đồng, nhưng bà chỉ yêu cầu bà T trả 25.760.000 đồng mà không đưa ra được lý do gì để giải thích là không phù hợp, không có cơ sở chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, HĐXX đã yêu cầu đương sự giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ để chứng minh nhưng đương sự không cung cấp được. Do đó, HĐXX căn cứ vào tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của bị đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hụi chết chưa đóng là 6.000.000 đồng.

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lãi đối với số tiền hụi chậm góp: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường, việc chậm góp hụi chết trong trường hợp hụi có lãi thì áp dụng lãi suất theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Bà Kiều Thị T thừa nhận có tham gia hụi, có hốt hụi và còn 03 lần hụi chết chưa đóng. Các đương sự đều xác định là hụi đã mãn mà không nhớ được ngày, tháng, năm cụ thể bị đơn chậm góp tiền hụi nên tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm góp tiền hụi từ ngày khởi kiện là có cơ sở và có lợi cho phía bị đơn nên HĐXX chấp nhận. Tiền lãi chậm góp = 6.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 07 tháng 13 ngày = 370.180 đồng.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận một phần. Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận nhưng do nguyên đơn là người cao tuổi và có yêu cầu được miễn nộp án phí nên HĐXX chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ

luật Tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 22, khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hộ, biên, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Kiều Thị T trả cho nguyên đơn bà Dương Thị H số tiền hộ chưa góp 6.000.000 đồng và tiền lãi do chậm góp tiền hộ là 370.180 đồng. Tổng cộng là 6.370.180 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc yêu cầu bị đơn bà Kiều Thị T trả số tiền nợ hộ 19.760.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị H được miễn nộp án phí. Buộc bà Kiều Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 318.509 đồng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm